TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày 17-01-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Quang Minh**

2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** – Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Trang** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 11 năm 2021 và ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 325/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 293/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Hoàng Thiên P**, sinh năm 1993 (Người đại diện cho Hộ kinh doanh Tân Quang M), địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Danh Như N**, sinh năm 1997 (Có mặt), trú tại: Số 20, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông **Trần M D**, sinh năm 1977 (Vắng mặt), bà **Trần Thị L,** sinh năm 1981 (Vắng mặt), trú tại: Khóm 2, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông **Nguyễn Hoàng Thiên P** (Người đại diện Hộ kinh doanh Tân Quang M) trình bày: Ngày 03/9/2015, Hộ kinh doanh Tân Quang M và vợ chồng ông Trần M D và bà Trần Thị L có giao kết Hợp đồng mua bán số: 0309/2015/HĐMB-TQM. Theo đó, Hộ kinh doanh Tân Quang M bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú và các loại thuốc thủy sản cho ông D, bà L. Đến ngày 15/10/2020, đôi bên

chốt lại các khoản nợ, ông D và bà L còn thiếu tiền của nguyên đơn số tiền 948.439.000 đồng. Ông D có ký tên tại bảng đối chiếu công nợ và cam kết thanh toán. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần M D và bà Trần Thị L trả tiền gốc 948.439.000 đồng, tiền lãi 39.360.000 đồng (tính từ ngày 15/10/2020 đến ngày 15/3/2021, tổng cộng 987.779.000 đồng.

Đối với bị đơn bà **Trần Thị L**, ông **Trần M D**: Từ khi thụ lý, Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông D và bà L vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn bà Trần Thị L, ông Trần M D vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có mặt và có thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi 39.360.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tiền gốc 948.439.000 đồng.

*/ Ý kiến phát biểu của **Viện kiểm sát** như sau:

1/ Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, nhưng có vi phạm thời hạn ngừng phiên tòa, do ảnh hưởng dịch bệnh Covid–19.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, còn bị đơn không hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, không chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án.

2/ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hộ Kinh doanh Tân Quang M, buộc bị đơn bà Trần Thị L, ông Trần M D trả cho nguyên đơn số tiền 948.439.000 đồng cho nguyên đơn; Về án phí và chi phí giám định đề nghị xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông D và bà L vắng mặt, nhưng tại Công văn số 04 ngày 09/7/2021 của Công an thị trấn Trần Văn Thời, xác định ông D và bà L có đăng ký thường trú tại Khóm 2, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời và đã rời khỏi địa phương. Thời điểm, giao dịch mua bán với Tân

Quang M, ông D và bà L khai cư trú tại Khóm 2, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, nhưng khi bị đơn rời khỏi địa phương lại không trình báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết là thuộc trường hợp "được coi là cố tình giấu địa chỉ". Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, vẫn thụ lý giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Thực tế, giữa Hộ kinh doanh Tân Quang M và vợ chồng ông Trần M D và bà Trần Thị L có giao kết mua bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú và các loại thuốc thủy sản (theo Hợp đồng mua bán số: 0309/2015/HĐMB-TQM ngày 03/9/2015). Sau đó, đôi bên có chốt lại các khoản nợ, ông D và bà L thiếu nguyên đơn số tiền 948.439.000 đồng. Ông D có ký tên tại bảng đối chiếu công nợ và cam kết thanh toán ngày 15/10/2020, bà L không có ký tên. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông D và bà L trả tiền gốc 948.439.000 đồng.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà L vắng mặt, không có ý kiến phản đối gửi đến Tòa án theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có cơ sở xem xét. Từ đó, căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92; Điều 93; Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặc khác, tại Kết luận giám định số 07/GĐ-PC09 ngày 30/12/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận: Chữ ký, chữ viết họ và tên "TRần M D"; "trần M D" dưới mục "Người mua xác nhận"; "BÊN B" trên "BẢNG ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ THÁNG 10/2020" ngày 15/10/2020; "CAM KẾT THANH TOÁN" ngày 15/10/2020 (Ký hiệu A1; A2) so với chữ ký, chữ viết họ tên "trần M D", "TRần M D" dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B"; "Người mua xác nhận" trên "HỢP ĐỒNG MUA BÁN" ngày 03/9/2015; 12 "ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ" tháng 09/2015; Tháng 04/2016; Tháng 05/2016; Tháng 06/2016; Tháng 07/2016; Tháng 08/2016; Tháng 09/2016; Tháng 12/2016; Tháng 01/2017; Tháng 01-02/2017; Tháng 03/2017; Tháng 04/2017 (Ký hiệu từ M1 đến M13) và chữ viết họ tên "trần M D" dưới mục "Chữ ký của chồng" tại trang số: 77 trong "SỔ ĐĂNG KÝ KẾT HÔN" quyển số: 01/2008, mở ngày 01/01/2008, khóa ngày 31/12/2008 (Ký hiệu M14) là do cùng một người ký và viết ra (bút lục 111), phía ông D và bà L thiếu nguyên đơn số tiền 948.439.000 đồng là thực tế. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D và bà L trả cho nguyên đơn số tiền 948.439.000 đồng, theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về chi phí giám định: Nguyên đơn đã dự nộp xong số tiền 5.870.000 đồng, do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc ông D và bà L trả cho nguyên đơn số tiền 5.870.000 đồng là phù hợp.

[6] Về án phí:

Ông D và bà L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 40.453.170 đồng (948.439.000 đồng = 36.000.000 đồng + 3% (của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng = 4.453.170 đồng).

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền 20.817.000 đồng tại biên lai thu số 0004131 ngày 06/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 6; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 70, 72, 91, 147; 161; điểm b khoản 2 Điều 227; điều 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40; Điều 430; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Thiên P (Người đại diện cho Hộ kinh doanh Tân Quang M), buộc bị đơn ông Trần M D và bà Trần Thị L trả cho ông Nguyễn Hoàng Thiên P (Người đại diện cho Hộ kinh doanh Tân Quang M) số tiền 948.439.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi chín ngàn đồng).

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả".

2. Về án phí:

Buộc ông Trần M D và bà Trần Thị L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 40.453.170 đồng (bằng chữ: Bốn mươi triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn một trăm bảy mươi đồng – Chưa nộp).

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Thiên P (Người đại diện cho Hộ kinh doanh Tân Quang M) được hoàn lại số tiền 20.817.000 đồng tại biên lai thu số 0004131 ngày 06/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Thiên P (Người đại diện cho Hộ kinh doanh Tân Quang M) được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Trần Thị L và ông Trần M D được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: "Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Thành Quang